

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM**

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 36

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC***(tiếp theo)*

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 đã được soát xét.

**Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Vietnam Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Vietnam.,JSC, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước. Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, sau đó Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí. Ngày 16 tháng 01 năm 2013 Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam. Công ty có mười ba lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ba ngày 16/01/2013 thì:

- Vốn Điều lệ: **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam)

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PHH.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép; Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
- + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
- + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản.
- Tư vấn đấu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

*(tiếp theo)*

- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: 206A, đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội
- Địa chỉ giao dịch hiện tại: 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

### **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Lê Hoàng Anh	Chủ tịch
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Chủ tịch
Bà Đoàn Thị Bích Hà	Ủy viên
Ông Trịnh Thanh Giảng	Ủy viên
Ông Trần Văn Long	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lê Hoàng Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng giám đốc
Bà Đoàn Thị Bích Hà	Phó Tổng giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Quyết	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 02/06/2014)
Ông Phạm Vinh Hiền	Phó Tổng giám đốc
Bà Lê Hoài Thu	Kế toán trưởng

#### **Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2014 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

*(tiếp theo)*

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

*Thay mặt Ban Giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM**

---

**Lê Hoàng Anh**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2014*

Số : -14/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 được lập ngày 22 tháng 08 năm 2014 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 36 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty chưa đánh giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác để xem xét việc trích lập dự phòng và chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với một số khoản phải thu khác đã quá hạn thanh toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài vấn đề nêu trên chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành 09 bản bằng tiếng Việt, Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam giữ 08 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau

---

**Phạm Hùng Sơn**  
**Phó Tổng giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

---

**Nguyễn Thị Hồng Vân**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0946-2013-034-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>497.329.401.181</b>	<b>518.926.242.636</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>36.798.832.727</b>	<b>69.804.762.242</b>
1 Tiền	111		36.798.832.727	60.804.762.242
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	9.000.000.000
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>223.141.866.627</b>	<b>236.345.578.449</b>
1 Phải thu của khách hàng	131		150.573.628.764	167.471.024.522
2 Trả trước cho người bán	132		20.504.565.928	15.980.016.932
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	82.576.449.435	83.407.314.495
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(30.512.777.500)	(30.512.777.500)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>217.664.176.420</b>	<b>193.781.827.652</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	217.664.176.420	193.781.827.652
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>19.724.525.407</b>	<b>18.994.074.293</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		192.841.540	142.576.672
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.259.881.798	7.989.810.961
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	2.492.821.309	2.492.821.309
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.1.	6.778.980.760	8.368.865.351
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260+269)	<b>200</b>		<b>279.324.905.020</b>	<b>279.073.839.491</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>145.695.860.516</b>	<b>143.067.379.695</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	12.548.646.532	15.423.755.704
- Nguyên giá	222		37.655.364.737	37.676.461.670
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.106.718.205)	(22.252.705.966)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	881.367.500	881.367.500
- Nguyên giá	228		881.367.500	881.367.500
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	132.265.846.484	126.762.256.491
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.8.</b>	<b>919.092.000</b>	<b>919.092.000</b>
- Nguyên giá	241		919.092.000	919.092.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.9.</b>	<b>104.801.875.612</b>	<b>104.801.875.612</b>
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		21.578.875.612	21.578.875.612
3 Đầu tư dài hạn khác	258		83.223.000.000	83.223.000.000
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.020.576.892</b>	<b>3.135.492.184</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	2.630.576.892	2.745.492.184
3. Tài sản dài hạn khác	268		390.000.000	390.000.000
<b>VI Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>VII.2.</b>	<b>24.887.500.000</b>	<b>27.150.000.000</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200+269)</b>	<b>270</b>		<b>776.654.306.201</b>	<b>798.000.082.127</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2014	01/01/2014
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>456.342.449.169</b>	<b>480.790.691.149</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>455.988.130.419</b>	<b>480.334.644.899</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	135.254.789.067	107.113.998.093
2 Phải trả người bán	312		238.235.320.652	303.686.414.795
3 Người mua trả tiền trước	313		57.635.811.183	44.962.815.436
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	4.380.852.778	9.014.441.202
5 Phải trả người lao động	315		262.751.383	410.297.593
6 Chi phí phải trả	316	V.13.	7.984.661.276	3.330.976.328
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.	6.195.703.602	6.256.215.664
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.038.240.478	5.559.485.788
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>354.318.750</b>	<b>456.046.250</b>
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.15.	354.318.750	456.046.250
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>249.198.135.788</b>	<b>249.576.740.622</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16.</b>	<b>249.198.135.788</b>	<b>249.576.740.622</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.696.774.500
4 Cổ phiếu quỹ	414		(21.075.354.739)	(21.070.769.403)
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		19.701.652.601	17.976.652.601
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		5.025.100.000	3.867.600.000
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.082.251.900	4.082.251.900
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(18.232.288.474)	(14.975.768.976)
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>71.113.721.244</b>	<b>67.632.650.356</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>776.654.306.201</b>	<b>798.000.082.127</b>

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH KINH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.17.</b>	<b>288.995.386.803</b>	<b>271.223.587.553</b>
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ(10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>288.995.386.803</b>	<b>271.223.587.553</b>
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.18.	262.036.487.191	248.208.651.076
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>26.958.899.612</b>	<b>23.014.936.477</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19.	336.591.111	725.060.120
7 Chi phí tài chính	22	VI.20.	6.936.781.941	5.695.210.177
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.936.781.941</i>	<i>5.695.210.177</i>
8 Chi phí bán hàng	24	VII.3.	15.000.000	23.000.000
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.4.	17.052.267.132	17.521.040.336
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>3.291.441.650</b>	<b>500.746.084</b>
11 Thu nhập khác	31	VII.5.	317.090.909	1.680.479.074
12 Chi phí khác	32	VII.6.	1.438.382.555	1.011.822.324
<b>13 Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(1.121.291.646)</b>	<b>668.656.750</b>
<b>14 Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>2.170.150.004</b>	<b>1.169.402.834</b>
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		477.881.744	425.521.521
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>1.692.268.260</b>	<b>743.881.313</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		342.764.845	222.905.134
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		1.349.503.415	520.976.179
<b>19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.22.</b>	<b>75</b>	<b>29</b>

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	01	632.158.559.597	474.156.378.592
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02	(658.848.068.471)	(521.598.580.495)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.481.298.688)	(7.824.815.570)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(6.936.781.941)	(5.695.210.177)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(994.911.938)	(835.982.160)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12.522.222.504	12.280.072.262
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(31.053.248.112)	(34.894.952.356)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(61.633.527.049)</b>	<b>(84.413.089.904)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21	(263.465.300)	(941.707.775)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22	348.800.000	179.247.116
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(2.000.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	4.000.000.000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	503.199.360	1.560.309.357
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>588.534.060</b>	<b>2.797.848.698</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	3.312.810.000
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33	281.266.553.580	253.644.516.888
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(253.227.490.106)	(218.374.077.925)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(7.164.625.480)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>28.039.063.474</b>	<b>31.418.623.483</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(33.005.929.515)</b>	<b>(50.196.617.723)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>69.804.762.242</b>	<b>98.468.525.759</b>

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

*(tiếp theo)*

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>36.798.832.727</b>	<b>48.271.908.036</b>

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Vietnam Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Vietnam.,JSC, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước. Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, sau đó Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí. Ngày 16 tháng 01 năm 2013 Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam. Công ty có mười ba lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ba ngày 16/01/2013 thì:

- Vốn Điều lệ: **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PHH.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép; Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crom, niken, coban, molybden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
- + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
- + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đầu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản.
- Tư vấn đấu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014***(tiếp theo)*

- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ: 206A, đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội
- Địa chỉ giao dịch hiện tại: 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

**4. Danh sách các Công ty con được thực hiện hợp nhất**

- Tổng số các Công ty con: 04 Công ty
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 04 Công ty.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty
- Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

- |  |  |
|--|--|
| 1. Công ty CP Hồng Hà Hà Nội               | - Địa chỉ: số 18, ngõ 4, phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội |
|  | - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 75,50%   |
|  | - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 75,50%  |
| 2. Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí      | - Địa chỉ: Tầng 3 Nhà C, 125 Hoàng Văn Thái, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội    |
|  | - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 60,12%   |
|  | - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 60,12%  |
| 3. Công ty Cổ phần Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn | - Địa chỉ: 96/108 Đường Trục, phường 13, Q. Bình Thạnh, HCM.                     |
|  | - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 82,00%   |
|  | - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 82,00%  |
| 4. Công ty Cổ phần sản xuất Cửa Hoa Kỳ     | - Địa chỉ: Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro, Lê Chi, Gia Lâm, Hà Nội.             |
|  | - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51,69%   |
|  | - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51,69%  |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

**5. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh vào trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

**Công ty Cổ phần Sông Đáy - Hồng Hà Dầu khí** - Địa chỉ: Số 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội  
- Tỷ lệ phần sở hữu: 43,43%  
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 43,43%

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất****Đầu tư vào Công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ cổ phần chi phối tại ngày 30/06/2014. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các Công ty con và giữa các công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất, được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số". Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty con.

**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi (lỗ) chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp của Công ty liên kết chưa được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp".

***Áp dụng hướng dẫn kế toán***

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2014.

**3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**4. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán EASY Accounting.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc

*Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp thực tế đích danh

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Việc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 về hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<b><u>Loại tài sản cố định</u></b>	<b><u>Thời gian khấu hao &lt;năm &gt;</u></b>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	02-07
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05-10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

**3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất lâu dài

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 về hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**3.3 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất tại KDC Vĩnh Phú 1, phường Vĩnh Phú, TX Thuận An, Bình Dương do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp hình thành bất động sản đầu tư.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty liên kết (Công ty CP Sông Đáy - Hồng Hà Dầu khí) và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Trong đó, khoản đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh, góp vốn vào Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group và Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào, được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày đầu tư.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ bao gồm công cụ dụng cụ và chi phí máy móc thiết bị văn phòng... có thời gian phân bổ từ 12 - 36 tháng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được mua lại do chính Công ty phát hành không nhằm mục đích để bán và được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Khoản cổ phiếu mà công ty con mua lại của Công ty mẹ được trình bày là khoản Cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là số cổ phiếu mua lại theo Nghị quyết 01-1/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 25/01/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 1.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị 13.729.670.000 VND, theo Nghị quyết 05-2/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 21/04/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 786.000 cổ phiếu với tổng giá trị 6.826.540.837 VND. Theo nghị quyết số 01-1/2013/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 16/01/2013 công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 114.000 cổ phiếu với tổng giá trị 509.846.566 VND.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, cho thuê máy móc thiết bị và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - “Hợp đồng xây dựng”.

Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị được xác định theo thời gian cho thuê thực tế, hóa đơn tài chính đã xuất cho khách hàng và biên bản nghiệm thu thanh lý, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

*(tiếp theo)***11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Riêng khoản phải thu khác của Công ty Cổ phần kinh doanh Tổng hợp Việt Lào tại thời điểm 30/06/2014 là khoản cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo hợp đồng vay vốn số 01/2009/VL-HHDK được ký kết giữa Công ty CP Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) với Công ty Cổ phần kinh doanh Tổng hợp Việt Lào với thời hạn cho vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012 với lãi suất thời điểm tính bằng mức trung bình lãi suất cho vay tổ chức của bốn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà nước tương ứng tại thời điểm chốt lãi trừ đi 1%/năm. (Trong đó: nợ gốc cho vay là 55 tỷ đồng; lãi vay phát sinh từ ngày 31/1/2010 đến ngày 31/12/2011 là 6.025.555.900 VND). Công ty thực hiện trích lập dự phòng trên số tiền phải thu của Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào bằng 50% số tiền nợ gốc và lãi cho vay đã quá hạn thanh toán 29 tháng với giá trị là 30.512.777.500 VND.

**11.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

**11.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn, khoản vay dài hạn tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội nhằm mục đích mua sắm tài sản cố định.

**11.4 Các nghĩa vụ về thuế****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% đối với các hoạt động xây lắp và hoạt động khác.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

**11.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn của Công ty gồm: Giá vốn hoạt động xây lắp, giá vốn cho thuê máy móc thiết bị.

Giá vốn của hoạt động xây lắp được xác định theo chi phí thực tế phát sinh của từng công trình phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị là chi phí khấu hao và các chi phí khác phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tiền mặt tại quỹ</b>	<b>708.662.531</b>	<b>385.745.989</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>36.090.170.196</b>	<b>60.419.016.253</b>
<b>Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam</b>	<b>12.917.744.862</b>	<b>49.098.963.944</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	2.985.123.518	37.165.857.536
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	9.932.621.344	11.933.106.408
<b>Công ty CP Hồng Hà Hà Nội</b>	<b>6.019.586.101</b>	<b>5.302.332.038</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân	3.784.948.899	3.784.876.455
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	2.234.637.202	1.517.455.583
<b>Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí</b>	<b>9.527.691.946</b>	<b>806.929.459</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân	3.580.879.294	806.929.459
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP Hà Nội	5.946.812.652	-
<b>Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ</b>	<b>325.055.249</b>	<b>67.359.862</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân	323.127.416	66.492.063
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	1.203.231	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Hoàn Kiếm	724.602	867.799
<b>Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn</b>	<b>7.300.092.038</b>	<b>5.143.430.950</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	7.300.092.038	5.143.430.950
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>-</b>	<b>9.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng Thương mại CP Quân đội (i)		9.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>36.798.832.727</b>	<b>69.804.762.242</b>
<b>2. Các khoản phải thu khác</b>	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam</b>	<b>81.652.046.817</b>	<b>81.130.539.583</b>
Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào (i)	61.025.555.900	61.025.555.900
Công ty TNHH Phong Thịnh (ii)	11.347.160.000	11.347.160.000
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iii)	3.436.929.990	3.436.929.990
Đối tượng khác	5.842.400.927	5.320.893.693
<b>Công ty CP Hồng Hà Hà Nội</b>	<b>767.475.613</b>	<b>889.897.160</b>
Thuế thu nhập cá nhân	147.330.969	130.578.298

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Bảo hiểm xã hội	9.052.014	9.700.214
Bảo hiểm y tế	9.755.499	8.660.139
Phải thu khác	601.337.131	740.958.509
<b>Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí</b>	<b>4.113.540</b>	<b>206.076.050</b>
Lãi phải thu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	161.242.510
Các khoản phải thu khác	4.113.540	44.833.540
<b>Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn</b>	<b>138.313.465</b>	<b>9.008.000</b>
Phải thu BHXH	26.313.465	7.488.710
Phải thu khác	112.000.000	1.519.290
<b>Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ</b>	<b>14.500.000</b>	<b>1.171.793.702</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>82.576.449.435</b>	<b>83.407.314.495</b>

(i) Là khoản cho Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012 và lãi vay. Trong đó nợ gốc là 55.000.000.000 VND và lãi vay là 6.025.555.900 VND.

(ii) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây truyền tuyến nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011, chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng (nhà máy đặt tại bản Poonglak, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào).

(iii) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo hợp đồng số 122/2009 ngày 02/06/2009.

<b>3. Hàng tồn kho</b>	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	5.229.347.747	84.990.252
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	212.434.552.673	193.696.837.400
Hàng hóa	276.000	-
<b>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>217.664.176.420</b>	<b>193.781.827.652</b>

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại ngày 30/06/2014 là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Trụ sở chính, Bệnh viện Châm cứu trung ương, Chung cư CT9 Văn Phú, Bến xe Kim Mã, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình . . .

<b>4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	2.492.821.309	2.492.821.309
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.492.821.309</b>	<b>2.492.821.309</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM**

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014

đến 30/06/2014

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

**5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư ngày 01/01/2014</b>	<b>5.118.660.660</b>	<b>23.614.941.608</b>	<b>8.560.090.044</b>	<b>382.769.358</b>	<b>37.676.461.670</b>
Mua trong năm	-	204.550.000	-	-	<b>204.550.000</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	(183.986.915)	-	-	<b>(183.986.915)</b>
Giảm khác	-	(41.660.018)	-	-	<b>(41.660.018)</b>
<b>Số dư ngày 30/06/2014</b>	<b>5.118.660.660</b>	<b>23.593.844.675</b>	<b>8.560.090.044</b>	<b>382.769.358</b>	<b>37.655.364.737</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư ngày 01/01/2014</b>	<b>2.074.659.678</b>	<b>13.963.297.738</b>	<b>5.843.945.617</b>	<b>370.802.933</b>	<b>22.252.705.966</b>
Khấu hao trong năm	245.022.440	2.172.614.772	564.666.883	16.123.114	<b>2.998.427.209</b>
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(102.754.952)	-	-	<b>(102.754.952)</b>
Giảm khác	-	(41.660.018)	-	-	<b>(41.660.018)</b>
<b>Số dư ngày 30/06/2014</b>	<b>2.319.682.118</b>	<b>15.991.497.540</b>	<b>6.408.612.500</b>	<b>386.926.047</b>	<b>25.106.718.205</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>3.044.000.982</b>	<b>9.651.643.870</b>	<b>2.716.144.427</b>	<b>11.966.425</b>	<b>15.423.755.704</b>
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>2.798.978.542</b>	<b>7.602.347.135</b>	<b>2.151.477.544</b>	<b>(4.156.689)</b>	<b>12.548.646.532</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.397.542.839 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.494.397.794 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND;

- Các cam kết về việc mua bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: 0 VND.

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: 0 VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

**6. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Đơn vị tính: VND	
		Tổng cộng	
<b>Nguyên giá</b>			
<b>Số dư ngày 01/01/2014</b>	<b>881.367.500</b>	<b>881.367.500</b>	
Mua trong năm	-	-	
<b>Số dư ngày 30/06/2014</b>	<b>881.367.500</b>	<b>881.367.500</b>	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<b>Số dư ngày 01/01/2014</b>	-	-	
Khấu hao trong năm	-	-	
<b>Số dư ngày 30/06/2014</b>	-	-	
<b>Giá trị còn lại</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>881.367.500</b>	<b>881.367.500</b>	
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>881.367.500</b>	<b>881.367.500</b>	

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Cao ốc VP 407 Nguyễn An Ninh	2.395.316.363	2.395.316.363
Dự án khu đô thị mới Tứ Hiệp	129.870.530.121	124.366.940.128
<b>Tổng cộng</b>	<b>132.265.846.484</b>	<b>126.762.256.491</b>

**8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND	
				30/06/2014	
<b>Nguyên giá BĐS đầu tư</b>	<b>919.092.000</b>	-	-	<b>919.092.000</b>	
Quyền sử dụng đất	919.092.000	-	-	919.092.000	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	-	-	-	-	
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-	
<b>Giá trị còn lại của BĐS đầu tư</b>	<b>919.092.000</b>	-	-	<b>919.092.000</b>	
Quyền sử dụng đất	919.092.000	-	-	919.092.000	

**9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2014		01/01/2014	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>		<b>21.578.875.612</b>		<b>21.578.875.612</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sông Đáy - Hồng Hà Dầu khí	43,40%	21.578.875.612	43,40%	21.578.875.612
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>83.223.000.000</b>		<b>83.223.000.000</b>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh	9,98%	2.000.000.000	9,98%	2.000.000.000
Công ty Chakkaphanh Mining Group	20,00%	77.022.500.000	20,00%	77.022.500.000
Công ty Cổ phần kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	19,05%	4.200.500.000	19,05%	4.200.500.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>104.801.875.612</b>		<b>104.801.875.612</b>
<b>10. Chi phí trả trước dài hạn</b>			<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam</b>			<b>2.427.751.894</b>	<b>2.452.706.782</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ			2.427.751.894	2.452.706.782
<b>Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội</b>			<b>29.321.432</b>	<b>101.636.231</b>
Chi phí thuê văn phòng			-	34.162.521
Dàn giáo thép			-	50.833.333
Chi phí sửa chữa xe ô tô			18.600.000	-
Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng			10.721.432	16.640.377
<b>Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí</b>			<b>143.827.575</b>	<b>158.274.505</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ			143.827.575	158.274.505
<b>Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn</b>			<b>29.675.991</b>	<b>32.874.666</b>
Công cụ, dụng cụ			29.675.991	29.708.916
Chi phí khác			-	3.165.750
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.630.576.892</b>	<b>2.745.492.184</b>
<b>11. Vay và nợ ngắn hạn</b>			<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>			<b>135.254.789.067</b>	<b>107.113.998.093</b>
<b>Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam</b>			<b>104.082.775.905</b>	<b>70.277.770.659</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)			55.685.287.317	50.585.092.915
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)			48.397.488.588	19.692.677.744
<b>Công ty CP Hồng Hà Hà Nội</b>			<b>11.270.919.312</b>	<b>16.836.227.434</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014**

*(tiếp theo)*

Ngân hàng TMCP Quân đội (iii)	11.270.919.312	16.836.227.434
<b>Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ</b>	<b>100.000.000</b>	-
Nguyễn Thúy Hoàn	100.000.000	-
<b>Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn</b>	<b>19.801.093.850</b>	<b>20.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (iv)	19.801.093.850	20.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>135.254.789.067</b>	<b>107.113.998.093</b>

i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo:

- Các hợp đồng tín dụng được thực hiện theo thông báo hạn mức số 852/TXU ngày 12/11/2013. Giá trị hạn mức tín dụng cho Văn phòng Công ty là 60 tỷ đồng. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 30/9/2014. Thời gian cho vay: tối đa 09 tháng/khế ước. Lãi suất theo quy định của MB tại thời điểm giải ngân. Kỳ tính lãi theo tháng, thu gốc cuối kỳ. Biện pháp đảm bảo khoản vay: bằng tài sản đảm bảo của bên vay theo các hợp đồng thế chấp.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam theo:

- Các hợp đồng tín dụng được thực hiện theo thông báo hạn mức số 784CV/CNTHN-KHDN ngày 01/8/2013. Giá trị hạn mức tín dụng cho vay ngắn hạn là 100 tỷ đồng. Thời hạn duy trì giới hạn tín dụng đến ngày 31/7/2014. Phương thức cấp tín dụng: theo phương thức từng lần. Thời hạn cho vay: tối đa không quá 12 tháng/giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo khoản vay: quyền tài sản phát sinh từ quyền đòi nợ thuộc sở hữu của công ty CP Hồng Hà Việt Nam phát sinh từ các hợp đồng kinh tế.

(iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội theo các Hợp đồng hạn mức tín dụng số 207.11.003.44541.TD ngày 04/10/2011 và văn bản sửa đổi hợp đồng ngày 17/04/2014, số 85.12.003.44541.TD ngày 28/3/2012 và văn bản sửa đổi ngày 20/11/2013, số 185.12.003.44541.TD ngày 17/7/2012, số 285.12.003.44541.TD ngày 05/12/2012, số 286.12.003.44541.TD ngày 05/12/2012. Số tiền vay, thời hạn vay và lãi suất áp dụng ghi nhận theo từng kế ước cho mỗi lần vay. Hợp đồng này được đảm bảo bằng tài sản là Xe ô tô 05 chỗ nhãn hiệu HONDA CRV 2.4L AT RE3, sản xuất năm 2008, màu nâu vàng, số khung: RLHRE 3871AY000393, số máy: K24Z1 4840391, BKS 30A-02111.

(iv) Vay ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2193.13.202.911826.TD ngày 14 tháng 11 năm 2013 thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất vay 9%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh thi công; tài sản đảm bảo khoản vay là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở, máy móc thiết bị, xe ô tô...

<b>12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.909.111.571	7.975.311.619
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	378.954.974	909.227.384
Thuế Thu nhập cá nhân	92.786.233	129.902.199
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.380.852.778</b>	<b>9.014.441.202</b>
<b>13. Chi phí phải trả</b>	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước chi phí các công trình	7.984.661.276	3.330.976.328
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.984.661.276</b>	<b>3.330.976.328</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam</b>	<b>3.226.184.045</b>	<b>3.393.206.826</b>
Cổ tức phải trả	700.511.000	700.511.000
Công ty Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn	-	390.000.000
Phải trả khác	2.525.673.045	2.302.695.826
<b>Công ty CP Hồng Hà Hà Nội</b>	<b>898.430.447</b>	<b>1.372.478.007</b>
Kinh phí công đoàn	16.405.340	29.454.660
Bảo hiểm thất nghiệp	-	49.800
Ký quỹ công trình	700.000.000	1.100.000.000
Phải trả khác	182.025.107	242.973.547
<b>Công ty Cổ phần Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí</b>	<b>-</b>	<b>17.150.000</b>
Phải trả khác	-	17.150.000
<b>Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn</b>	<b>1.630.390.800</b>	<b>963.280.780</b>
Kinh phí công đoàn	63.433.635	20.551.180
Cổ tức phải trả	1.500.000.000	924.729.600
Đối tượng khác	66.957.165	18.000.000
<b>Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ</b>	<b>440.698.310</b>	<b>510.100.051</b>
Bảo hiểm xã hội	33.276.996	102.278.737
Phải trả khác	407.421.314	407.821.314
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.195.703.602</b>	<b>6.256.215.664</b>

15. Vay và nợ dài hạn	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>354.318.750</b>	<b>456.046.250</b>
<b>Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ</b>	<b>354.318.750</b>	<b>456.046.250</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội (*)	354.318.750	456.046.250
<b>Tổng cộng</b>	<b>354.318.750</b>	<b>456.046.250</b>

(\*) Hợp đồng số 208.13.003.829975.TD ngày 27/8/2013 số tiền tối đa 300.000.000 VND thời hạn 36 tháng; lãi suất 14,8%/năm, biên độ 6%/năm và điều chỉnh 3 tháng một lần nhận theo từng khế ước nhận nợ để thanh toán một phần mua máy móc thiết bị và Hợp đồng số 136.13.003.829975 ngày 26/7/2013 số tiền tối đa 206.910.000 VND; lãi suất 15,2%/năm, biên độ 5,9%/năm; thời hạn vay 24 tháng. Mục đích vay để thanh toán bộ dây chuyền chà nhám.

## 16. Vốn chủ sở hữu

## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	200.000.000.000	59.696.774.500	(10.410.378.409)	249.286.396.091
Lãi trong kỳ	-	-	626.480.806	626.480.806
Giảm khác	-	-	(5.191.871.373)	(5.191.871.373)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>59.696.774.500</b>	<b>(14.975.768.976)</b>	<b>244.721.005.524</b>
Lãi trong kỳ	-	-	1.349.503.415	<b>1.349.503.415</b>
Giảm khác	-	-	(4.606.022.913)	<b>(4.606.022.913)</b>
<b>Số dư tại ngày 30/06/2014</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>59.696.774.500</b>	<b>(18.232.288.474)</b>	<b>241.464.486.026</b>

<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ đông của Công ty	200.000.000.000	200.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>

<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014</b>	<b>Từ ngày 01/01/2013</b>
	<b>đến 30/06/2014</b>	<b>đến 30/06/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>		

**d) Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: chưa công bố

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa công bố

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

<b>đ) Cổ phiếu</b>	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.900.000	1.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.900.000	1.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.100.000	18.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- <b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu</b>		

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

**e) Các quỹ của công ty**

	01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/06/2014
Quỹ đầu tư phát triển	17.976.652.601	1.725.000.000	-	19.701.652.601
Quỹ dự phòng tài chính	3.867.600.000	1.157.500.000	-	5.025.100.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.082.251.900	-	-	4.082.251.900
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.926.504.501</b>	<b>2.882.500.000</b>	<b>-</b>	<b>28.809.004.501</b>

**Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT và được sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

17. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ ngày 01/01/2014	Từ ngày 01/01/2013
	đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	288.542.844.850	269.981.964.394
Doanh thu hoạt động khác	452.541.953	1.241.623.159
<b>Tổng cộng</b>	<b>288.995.386.803</b>	<b>271.223.587.553</b>
18. Giá vốn hàng bán	Từ ngày 01/01/2014	Từ ngày 01/01/2013
	đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	260.831.119.287	246.406.856.912
Giá vốn hoạt động khác	1.205.367.904	1.801.794.164
<b>Tổng cộng</b>	<b>262.036.487.191</b>	<b>248.208.651.076</b>
19. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ ngày 01/01/2014	Từ ngày 01/01/2013
	đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	177.842.938	575.159.120
Lãi cho vay vốn thi công	8.748.173	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Cổ tức, lợi nhuận được chia	150.000.000	149.901.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>336.591.111</b>	<b>725.060.120</b>
<b>20. Chi phí tài chính</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>	<b>Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	6.936.781.941	5.695.210.177
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.936.781.941</b>	<b>5.695.210.177</b>
<b>21. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>	<b>Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	427.269.022.261	278.907.387.440
Chi phí nhân công	61.391.160.763	90.652.343.821
Chi phí máy thi công	2.841.061.035	20.056.424.382
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.998.427.209	3.510.235.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	20.970.055.991	23.305.733.186
<b>Tổng cộng</b>	<b>515.469.727.259</b>	<b>416.432.124.680</b>
<b>22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>	<b>Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.349.503.415	520.976.179
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.349.503.415	520.976.179
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.100.000	18.214.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	75	29

**23. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.11 và V.15, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Các loại Công cụ tài chính	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.798.832.727	69.804.762.242
Phải thu khách hàng và phải thu khác	233.150.078.199	250.878.339.017
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	83.223.000.000	83.223.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>353.171.910.926</b>	<b>403.906.101.259</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	135.609.107.817	107.570.044.343
Phải trả người bán và phải trả khác	244.431.024.254	309.942.630.459
Chi phí phải trả	7.984.661.276	3.330.976.328
<b>Tổng cộng</b>	<b>388.024.793.347</b>	<b>420.843.651.130</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2013 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty không phát sinh giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>30/06/2014</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	244.431.024.254	-	<b>244.431.024.254</b>
Chi phí phải trả	7.984.661.276	-	<b>7.984.661.276</b>
Các khoản vay	135.254.789.067	354.318.750	<b>135.609.107.817</b>
<b>01/01/2014</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	309.942.630.459	-	<b>309.942.630.459</b>
Chi phí phải trả	3.330.976.328	-	<b>3.330.976.328</b>
Các khoản vay	107.113.998.093	456.046.250	<b>107.570.044.343</b>

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

30/06/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.798.832.727	-	36.798.832.727
Các khoản đầu tư tài chính	-	83.223.000.000	83.223.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	233.150.078.199	-	233.150.078.199
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.804.762.242	-	69.804.762.242
Các khoản đầu tư tài chính	-	83.223.000.000	83.223.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	250.878.339.017	-	250.878.339.017

**VII. Những thông tin khác****1. Tài sản ngắn hạn khác**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Tạm ứng</b>	<b>1.384.707.836</b>	<b>1.125.422.722</b>
<b>Công ty CP Hồng Hà Hà Nội</b>	<b>210.918.000</b>	<b>40.318.000</b>
Nguyễn Minh Cảnh	13.018.000	10.018.000
Nguyễn Mạnh Chiến	10.600.000	13.000.000
Trần Việt Cường	126.300.000	6.300.000
Các đối tượng khác	61.000.000	11.000.000
<b>Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí</b>	<b>5.000.000</b>	<b>11.000.000</b>
Nguyễn Văn Hòa		6.000.000
Nguyễn Văn Hùng	5.000.000	5.000.000
<b>Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn</b>	<b>59.716.000</b>	<b>13.785.691</b>
Lê An Giang	4.000.000	4.000.000
Nguyễn Ngọc Lương	47.716.000	-
Đối tượng khác	8.000.000	9.785.691
<b>Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ</b>	<b>1.109.073.836</b>	<b>1.060.319.031</b>
Bùi Huy Long	888.595.610	859.305.805
Trần Chu Bảo	136.337.000	119.490.000
Các đối tượng khác	84.141.226	81.523.226
<b>Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn</b>	<b>5.394.272.924</b>	<b>7.243.442.629</b>
<b>Công ty CP Hồng Hà Việt Nam</b>	<b>4.237.212.835</b>	<b>3.697.795.066</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	4.237.212.835	3.697.795.066
<b>Công ty CP Hồng Hà Hà Nội</b>	<b>502.500.000</b>	<b>564.119.550</b>
Ký quỹ đảm bảo thanh toán tại Ngân hàng TMCP Quân đội	494.500.000	564.119.550
Ký quỹ công trình - Vũ Tiến Thanh	8.000.000	-
<b>Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn</b>	<b>583.635.008</b>	<b>1.481.506.413</b>
<b>Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ</b>	<b>70.925.081</b>	<b>1.500.021.600</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	70.925.081	1.500.021.600
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.778.980.760</b>	<b>8.368.865.351</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

2. Lợi thế thương mại	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Lợi thế thương mại phát sinh từ khoản đầu tư vào:		
<i>Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí</i>	24.887.500.000	27.150.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.887.500.000</b>	<b>27.150.000.000</b>
Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư của Công ty mẹ và phần giá trị vốn góp thực tế của Công ty mẹ trên Báo cáo tài chính của Công ty con phát sinh khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, được phân bổ đều vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong 10 năm.		
3. Chi phí bán hàng	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.000.000	23.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.000.000</b>	<b>23.000.000</b>
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.951.950.580	7.253.137.520
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	309.337.538	519.654.044
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.201.811.392	1.227.219.784
Thuế, phí và lệ phí	10.000.000	166.891.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.569.033.837	4.508.950.930
Chi phí bằng tiền khác	1.747.633.785	1.582.686.368
Lợi thế thương mại	2.262.500.000	2.262.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.052.267.132</b>	<b>17.521.040.336</b>
5. Thu nhập khác	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	317.090.909	122.029.091
Thu nhập khác	-	1.558.449.983
<b>Tổng cộng</b>	<b>317.090.909</b>	<b>1.680.479.074</b>
6. Chi phí khác	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	259.693.786	15.124.022
Xử lý hàng tồn kho cũ	1.155.193.062	-
Chi phí khác	23.495.707	996.698.302
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.438.382.555</b>	<b>1.011.822.324</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ**

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014

đến 30/06/2014

**Mẫu số B 09a - DN/HN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014***(tiếp theo)***7. Báo cáo bộ phận****7.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận địa lý của Công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

Các khoản mục không được phân bổ hợp lý bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng Việt Nam ("trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("xuất khẩu").

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014**

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
1. Doanh thu bán hàng	145.204.992.324	44.960.932.415	321.597.553.586	511.763.478.325	(222.768.091.522)	<b>288.995.386.803</b>
2. Giá vốn hàng bán	134.892.670.640	43.107.600.391	306.804.307.682	484.804.578.713	(222.768.091.522)	<b>262.036.487.191</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>10.312.321.684</b>	<b>1.853.332.024</b>	<b>14.793.245.904</b>	<b>26.958.899.612</b>	-	<b>26.958.899.612</b>

**7.2 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong 3 lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là xây lắp, chuyển nhượng bất động sản và dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ**

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014

đến 30/06/2014

**Mẫu số B 09a - DN/HN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	774.162.927.009	4.736.929.990	258.739.184.978	1.037.639.041.977	(260.984.735.776)	<b>776.654.306.201</b>
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>	<b>774.162.927.009</b>	<b>4.736.929.990</b>	<b>258.739.184.978</b>	<b>1.037.639.041.977</b>	<b>(260.984.735.776)</b>	<b>776.654.306.201</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	558.245.578.776	390.000.000	19.541.752.672	578.177.331.448	(121.834.882.279)	<b>456.342.449.169</b>
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>558.245.578.776</b>	<b>390.000.000</b>	<b>19.541.752.672</b>	<b>578.177.331.448</b>	<b>(121.834.882.279)</b>	<b>456.342.449.169</b>

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2014**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	788.518.653.626	9.736.929.990	241.416.161.265	1.039.671.744.881	(241.671.662.754)	<b>798.000.082.127</b>
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>	<b>788.518.653.626</b>	<b>9.736.929.990</b>	<b>241.416.161.265</b>	<b>1.039.671.744.881</b>	<b>(241.671.662.754)</b>	<b>798.000.082.127</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	580.665.083.199	390.000.000	12.712.971.617	593.768.054.816	(112.977.363.667)	<b>480.790.691.149</b>
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>580.665.083.199</b>	<b>390.000.000</b>	<b>12.712.971.617</b>	<b>593.768.054.816</b>	<b>(112.977.363.667)</b>	<b>480.790.691.149</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ**

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014

đến 30/06/2014

**Mẫu số B 09a - DN/HN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Doanh thu thuần	453.659.396.613	-	58.104.081.712	511.763.478.325	(222.768.091.522)	<b>288.995.386.803</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	65.315.728	-	1.836.075.383	1.901.391.111	(1.564.800.000)	<b>336.591.111</b>
Chi phí sản xuất kinh doanh	449.460.427.206	-	57.085.700.580	506.546.127.786	(220.505.591.522)	<b>286.040.536.264</b>
- Giá vốn hàng bán	427.778.041.712	-	57.026.537.001	484.804.578.713	(222.768.091.522)	<b>262.036.487.191</b>
- Chi phí tài chính	6.891.997.448	-	44.784.493	6.936.781.941	-	<b>6.936.781.941</b>
- Chi phí bán hàng	-	-	15.000.000	15.000.000	-	<b>15.000.000</b>
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.790.388.046	-	(620.914)	14.789.767.132	2.262.500.000	<b>17.052.267.132</b>
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>4.264.285.135</b>	-	<b>2.854.456.515</b>	<b>7.118.741.650</b>	<b>(3.827.300.000)</b>	<b>3.291.441.650</b>
Lỗ trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	(1.121.291.646)	(1.121.291.646)	-	<b>(1.121.291.646)</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>4.264.285.135</b>	-	<b>1.733.164.869</b>	<b>5.997.450.004</b>	<b>(3.827.300.000)</b>	<b>2.170.150.004</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014**

(tiếp theo)

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Doanh thu thuần	382.127.946.002	-	1.870.129.562	383.998.075.564	(112.774.488.011)	<b>271.223.587.553</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	1.284.247.394	-	346.812.726	1.631.060.120	(906.000.000)	<b>725.060.120</b>
Chi phí sản xuất kinh doanh	379.424.526.376	-	2.535.363.224	381.959.889.600	(110.511.988.011)	<b>271.447.901.589</b>
- Giá vốn hàng bán	358.552.838.520	-	2.430.300.567	360.983.139.087	(112.774.488.011)	<b>248.208.651.076</b>
- Chi phí tài chính	5.695.210.177	-	-	5.695.210.177	-	<b>5.695.210.177</b>
- Chi phí bán hàng	-	-	23.000.000	23.000.000	-	<b>23.000.000</b>
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.176.477.679	-	82.062.657	15.258.540.336	2.262.500.000	<b>17.521.040.336</b>
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>3.987.667.020</b>	-	<b>(318.420.936)</b>	<b>3.669.246.084</b>	<b>(3.168.500.000)</b>	<b>500.746.084</b>
<b>Lỗ trong công ty liên kết</b>	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	571.441.549	-	97.215.201	668.656.750	-	<b>668.656.750</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>4.559.108.569</b>	-	<b>(221.205.735)</b>	<b>4.337.902.834</b>	<b>(3.168.500.000)</b>	<b>1.169.402.834</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014**

*(tiếp theo)*

**8. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2013 của Công ty CP Hồng Hà Việt Nam đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

*Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2014*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM**

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Phạm Thị Hải Yến**

**Lê Hoài Thu**

**Lê Hoàng Anh**